

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 52/2020/HS-ST

Ngày: 25/12/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành

2. Bà Phan Thị Hồng Diễm

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký TAND huyện Cần Đước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 01/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HS ngày 11/12/2020, đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: không biết chữ; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L và bà Phan Thị C. vợ Phan Thị Th, con 02 người, sinh năm 2002 và 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2020 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị Trần Thị Hồng Th, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn Nh, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08giờ ngày 10/7/2020, sau khi uống rượu bị cáo Phan Văn T đi về nhà. Khi đi ngang nhà của bà Trần Thị N tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Long An bị cáo định vào nhà bà N nằm nghỉ ở võng nhưng khi quan sát không có ai ở nhà, cửa căn ló sau mở nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T đi vào trong nhà phát hiện trên tủ lạnh ở nhà bếp có một điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, ốp lưng

màu vàng, dung lượng 256G, gắn sim số 0909033744 của chị Trần Thị Hồng Th (cháu của bà Trần Thị N), bị cáo T lấy cho vào túi quần của mình rồi đi ra ngoài. Lúc này ông Trần Văn Nh là em bà N thấy tiếp từ trong nhà đi ra nên kêu chị Th đang giặt đồ ở phía sau lên kiểm tra lại tài sản thì phát hiện mất một điện thoại di động nêu trên nên ông Nh chạy theo giữ bị cáo lại. Sau đó, chị Th đến Công an trình báo. Qua làm việc, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 45/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, dung lượng 256G có giá trị là 8.190.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phan Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo khai vì để có tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Th, lợi dụng không người trông coi nên bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà của bà N, chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone X của chị Th. Bị cáo bị truy cứu về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, không oan sai. Bị cáo Phan Văn T khai nhận hành vi như trên và xác định những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C là do bị cáo tự khai ra; không bị bất kỳ ai hướng dẫn, ép cung hay bức cung để khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số: 40/CT-VKSCĐ ngày 20/11/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, đã truy tố bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã truy tố của Viện kiểm sát đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự. Xét bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải về việc làm sai trái. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, căn cứ tính chất phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS.

- Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ Khoản 1 Điều 173 BLHS, Điều 38; Điều 50; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng: không

- Về trách nhiệm dân sự: không.

Bị cáo Phan Văn T đồng ý với tội danh như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận và không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo cùng người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hội đồng xét xử xét: Lời khai nhận của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường của vụ án và Kết luận định giá. Hơn nữa, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập tại cơ quan Cảnh sát điều tra.

Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, xét có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Phan Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vào khoảng 08 giờ ngày 10/7/2020 bị cáo Phan Văn T đi bộ ngang nhà của bà Trần Thị N ở khu vực ấp H, xã L, huyện C, lợi dụng không người trông coi nên bị cáo đã đột nhập vào nhà bà N chiếm đoạt một điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, ốp lưng màu vàng, dung lượng 256G của chị Trần Thị Hồng Th. Hành vi của bị cáo T chiếm đoạt tài sản của người bị hại là thể hiện sự lén lút, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 8.190.000đồng được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và được quy định như sau: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xét thấy bản thân bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự. Xét bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải về việc làm sai trái. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Xét hình phạt: Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng đối với bị cáo, nhằm đạt mục đích răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo thành

người có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy bị cáo có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, có khả năng tự cải tạo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng*”. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản qua lời khai có trong hồ sơ vụ án, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến.

[7] Về xử lý vật chứng: không.

[8] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/12/2020.

Giao bị cáo Phan Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo (bị cáo T) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (bị cáo T) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Miễn phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cần Đước;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Cần Đước;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Cần Đước;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Án văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Công An huyện Cần Đước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

